**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Đánh giá kết quả triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống tai nạn**

**thương tích của ngành y tế giai đoạn 2021-2025 và đề xuất dự thảo kế hoạch**

**của ngành y tế giai đoạn 2026-2030**

Tên đơn vị báo cáo:.................................................................................................................

Địa chỉ: ...................................................................................................................................

Số điện thoại người báo cáo: ......................................Email: ...............................................

**I. ĐỀ NGHỊ ĐƠN VỊ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PCTNTT CỦA NGÀNH Y TẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025 THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1652/QĐ-BYT CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ NGÀY 23/3/2021:**

**1. Mục tiêu 1: Nâng cao năng lực của ngành y tế trong chỉ đạo, tổ chức, triển khai, giám sát các hoạt động PCTNTT tại cộng đồng.**

***1.1. Công tác thực hiện kế hoạch phòng chống tai nạn, thương tích tại địa phương:***

1.1.1. Có ban hành Kế hoạch PCTNTT giai đoạn 2021-2025:

1. Có 2. Không

- Nếu có, đề nghị ghi rõ số công văn, ngày kí:…………………………………………………

- Nếu không, đề nghị nêu rõ lí do:……………………………………………………………..

1.1.2. Kế hoạch phòng chống TNTT hàng năm và tổ chức thực hiện:

| **TT** | **Nội dung** | **2021** | | **2022** | | **2023** | | **2024** | | **2025** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Có** | **Không** | **Có** | **Không** | **Có** | **Không** | **Có** | **Không** | **Có** | **Không** |
|  | Có Kế hoạch PCTNTT hàng năm được ký, ban hành (*Ghi rõ số CV, ngày kí ban hành)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Có văn bản chỉ đạo, tổ chức, hướng dẫn thực hiện *(Ghi rõ số lượng văn bản chỉ đạo, HD)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Phối hợp liên ngành kiểm tra, giám sát, hướng dẫn  hoạt động PCTNTT tại các tuyến và cộng đồng *(Ghi rõ cách thức phối hợp)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Tổ chức Hội nghị/hội thảo tổng kết công tác 6 tháng/1 năm  (*Ghi rõ số lượng, số người tham gia)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1.1.3. Nêu tóm tắt những khó khăn khi thực hiện, nguyên nhân chủ quan, khách quan:

……………………………………….…………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

***1.2. Công tác phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế:***

1.2.1. Triển khai các nội dung phối hợp liên ngành trong công tác PCTNTT:

1. Có 2. Không

- Nếu có, đề nghị ghi rõ chi tiết theo bảng dưới đây:

| TT | **Nội dung/hoạt động phối hợp và kết quả** | **Đơn vị phối hợp** |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

- Nêu tóm tắt những khó khăn khi thực hiện, nguyên nhân chủ quan, khách quan

……………………………………….…………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

1.2.2. Triển khai các nội dung phối hợp với các tổ chức quốc tế, tổ chức Phi Chính phủ trong công tác PCTNTT:

1. Có 2. Không

- Nếu có, đề nghị ghi rõ chi tiết theo bảng dưới đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung phối hợp và kết quả** | **Đơn vị hợp tác** |
| 1. |  |  |
| 2. |  |  |
| 3. |  |  |
| 4. |  |  |
| 5. |  |  |
| … |  |  |

1.2.3. Nêu tóm tắt những khó khăn khi thực hiện, nguyên nhân chủ quan, khách quan

……………………………………….…………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

***1.3. Nâng cao năng lực PCTNTT tại các tuyến:***

1.3.1. Hàng năm có tổ chức đào tạo, đào tạo lại cho cán bộ y tế về các loại hình TNTT, các biện pháp phòng, chống và kỹ năng truyền thông về PCTNTT tại cộng đồng:

1. Có 2. Không

- Nếu có, đề nghị ghi rõ chi tiết theo bảng dưới đây:

| **TT** | **Nội dung** | **2021** | **2022** | **2023** | **2024** | **2025** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Số cán bộ y tế tuyến tỉnh được đào tạo |  |  |  |  |  |
| Tỷ lệ % cán bộ được đào tạo |  |  |  |  |  |
| 2. | Số cán bộ y tế tuyến huyện/quận được đào tạo |  |  |  |  |  |
| Tỷ lệ % cán bộ được đào tạo |  |  |  |  |  |
| 3. | Số cán bộ y tế xã/phường được đào tạo |  |  |  |  |  |
| Tỷ lệ % cán bộ được đào tạo |  |  |  |  |  |

1.3.2. Nêu tóm tắt một số nội dung đào tạo, tập huấn thực hiện tốt hàng năm

……………………………………….………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

1.3.3. Nêu tóm tắt những khó khăn khi thực hiện, nguyên nhân chủ quan, khách quan

……………………………………….………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

***1.4. Kinh phí thực hiện các hoạt động PCTNTT:***

1.4.1. Hàng năm có được cấp kinh phí để triển khai công tác PCTNTT:

1. Có 2. Không

- Nếu có, đề nghị ghi rõ nguồn kinh phí và đánh dấu (X) vào các nội dung thực hiện theo bảng dưới đây, không cần ghi số tiền:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Nguồn kinh phí được cấp\*** | **Trong đó** | | | |
| **Tập huấn** | **Truyền thông** | **Kiểm tra, Giám sát** | **Khác**  *(ghi rõ)* |
| 2021 |  |  |  |  |  |
| 2022 |  |  |  |  |  |
| 2023 |  |  |  |  |  |
| 2024 |  |  |  |  |  |
| 2025 |  |  |  |  |  |

*(*Ghi chú*: \*Nguồn kinh phí được cấp: Ngân sách của TW, Ngân sách địa phương, Ngân sách huy động từ các chương trình dự án…)*

1.4.2. Nêu tóm tắt những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện, nguyên nhân chủ quan, khách quan

……………………………………….………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….…………….

**2. Mục tiêu 2: Củng cố và nhân rộng các mô hình an toàn - phòng chống TNTT dựa vào cộng đồng.**

***2.1. Số lượng cộng đồng an toàn phòng chống TNTT trong giai đoạn 2021- 2025***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cộng đồng an toàn** | **2021** | **2022** | **2023** | **2024** | **2025** |
|  | Số lượng cộng đồng an toàn hiện có tại địa phương |  |  |  |  |  |
|  | Số lượng cộng đồng an toàn được công nhận mới |  |  |  |  |  |
|  | Số lượng cộng đồng an toàn được công nhận lại |  |  |  |  |  |

***2.2. Chia sẻ kinh nghiệm xây dựng cộng đồng an toàn (CĐAT)***

| **TT** | **Hình thức chia sẻ kinh nghiệm** | **Có** | **Không** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Tổ chức hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về xây dựng cộng đồng an toàn |  |  |
|  | Tổ chức thi tìm hiểu kiến thức về xây dựng cộng đồng an toàn |  |  |
|  | Kiểm tra, giám sát hỗ trợ tuyến quận/huyện/xã triển khai xây dựng mô hình CĐAT |  |  |
|  | Phối hợp với các ngành liên quan |  |  |
|  | Phổ cập kiến thức về phòng chống TNTT, đảm bảo an toàn cho trẻ em dưới 5 tuổi tại các cơ sở y tế và cơ sở giáo dục |  |  |

- Nêu tóm tắt những kinh nghiệm thực hiện tại một số CĐAT:

……………………………………….………………………………………………………

…………………………………………………………………………………….…………

……………………………………….………………………………………………………

…………………………………………………………………………………….…………

……………………………………….………………………………………………………

- Nêu những khó khăn khi thực hiện, nguyên nhân chủ quan, khách quan:

……………………………………….……………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….………….

…………………………………………………………………………………….………….

…………………………………………………………………………………….………….

……………………………………….……………………………………………………….

**3. Mục tiêu 3: Nâng cao năng lực sơ cấp cứu TNTT tại cộng đồng, chăm sóc chấn thương trước viện và phục hồi chức năng.**

***3.1. Mạng lưới sơ cấp cứu tại cộng đồng*** *(ghi rõ số lượng tại địa phương):*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Có** | **Không** | **Số lượng**  **cụ thể** |
| 1. | Nhân viên y tế thôn bản |  |  |  |
| 2. | Cộng tác viên |  |  |  |
| 3. | Tình nguyện viên |  |  |  |
| 4. | Trung tâm cấp cứu 115 trên địa bàn tỉnh |  |  |  |
| 5. | Các điểm, chốt sơ cấp cứu |  |  |  |
| 6. | Hệ thống điều phối vận chuyển, cấp cứu và chăm sóc chấn thương trước khi đến bệnh viện. |  |  |  |
| 7. | Rà soát và bổ sung trang thiết bị chăm sóc chấn thương thiết yếu tại cơ sở y tế các tuyến |  |  |  |
| 8. | Đánh giá kỹ năng về chăm sóc chấn thương thiết yếu cho cán bộ y tế tại cơ sở y tế các tuyến |  |  |  |

- Nêu tóm tắt những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện, nguyên nhân chủ quan, khách quan:

……………………………………….…………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

***3.2. Nâng cao năng lực sơ cấp cứu TNTT tại cộng đồng***

3.2.1. Hàng năm có tổ chức tập huấn về sơ cấp cứu TNTT cho các nhóm đối tượng:

1. Có 2. Không

- Nếu có, đề nghị ghi chi tiết theo bảng dưới đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đối tượng**  **được tập huấn SCC** | **2021**  (Số lượng) | **2022**  (Số lượng) | **2023**  (Số lượng) | **2024**  (Số lượng) | **2025**  (Số lượng) |
| 1. | Cán bộ y tế tuyến xã |  |  |  |  |  |
| 2. | Nhân viên y tế thôn bản |  |  |  |  |  |
| 3. | Người làm công tác y tế trường học |  |  |  |  |  |
| 4. | Lực lượng sơ cấp cứu tại nơi làm việc |  |  |  |  |  |
| 5. | Cán bộ cảnh sát giao thông |  |  |  |  |  |
| 6. | Cảnh sát phòng cháy chữa cháy |  |  |  |  |  |
| 7. | Người điều khiển và phục vụ trên phương tiện giao thông công cộng |  |  |  |  |  |
| 8. | Khác (ghi rõ):…. |  |  |  |  |  |

**4. Mục tiêu 4: Nâng cao năng lực ghi nhận, giám sát và báo cáo dữ liệu TNTT, nghiên cứu và sử dụng dữ liệu TNTT trong lập kế hoạch, triển khai và đánh giá hiệu quả các chương trình can thiệp.**

***4.1. Năng lực ghi nhận, giám sát và báo cáo dữ liệu TNTT***

- Tổng số huyện:………Tổng số xã:………….Tổng số bệnh viện trực thuộc:…………..

- Số lượng đơn vị báo cáo TNTT hàng năm:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuyến** | **2021** | **2022** | **2023** | **2024** | **2025** |
| Tuyến huyện/quận |  |  |  |  |  |
| Tuyến xã/phường |  |  |  |  |  |
| Bệnh viện trực thuộc tỉnh |  |  |  |  |  |

- Nêu tóm tắt những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện, nguyên nhân chủ quan, khách quan:

……………………………………….………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………….…………..

…………………………………………………………………………………….…………..

…………………………………………………………………………………….…………..

***4.2. Đánh giá chất lượng báo cáo dữ liệu TNTT***:

4.2.1. Tính chính xác của số liệu (số mắc/chết, nguyên nhân, lứa tuổi, nghề nghiệp… và các trường hợp TNTT):

1. Có 2. Không

4.2.2. Tính đầy đủ (Số liệu báo cáo của xã/phường; quận/huyện):

1. Có 2. Không

4.2.3. Tính kịp thời (Thời gian báo cáo định kỳ theo tháng, quý, năm):

1. Có 2. Không

***4.3. Tổ chức giám sát điểm TNTT tại bệnh viện và cộng đồng:***

1. Có 2. Không

- Nếu có, đề nghị ghi rõ chi tiết theo bảng dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Giám sát điểm** | **Có** | **Không** | **Ghi rõ nơi thực hiện** |
| 1. | Giám sát điểm tại bệnh viện về TNTT |  |  |  |
| 2. | Giám sát điểm về đuối nước tại cộng đồng |  |  |  |

- Nêu tóm tắt những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện, nguyên nhân chủ quan, khách quan:

……………………………………….………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

***4.4. Các hoạt động về tăng cường nghiên cứu TNTT:***

4.4.1. Các điều tra, nghiên cứu đã thực hiện trong 05 năm từ 2021-2025

1. Có 2. Không

*Nếu có, đề nghị ghi rõ số lượng:.......... và nội dung theo bảng dưới:*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên điều tra/**  **nghiên cứu** | **2021** | **2022** | **2023** | **2024** | **2025** |
| 1. |  |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |  |
| **…** |  |  |  |  |  |  |

- Tóm tắt một số kết quả điều tra/nghiên cứu nổi bật:

……………………………………….………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

***4.3. Nhóm hoạt động về tăng cường sử dụng dữ liệu TNTT***

4.3.1. Tuyên truyền, phổ biến kết quả nghiên cứu về TNTT thông qua các hội thảo khoa học, tạp chí chuyên đề, công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế…

1. Có 2. Không

4.3.2. Nghiên cứu việc liên kết các bộ dữ liệu mắc và tử vong TNTT từ các hệ thống giám sát khác nhau (như y tế, công an, giao thông, lao động, trẻ em…) và với các điều tra quốc gia/địa phương nhằm tối ưu hóa việc sử dụng và chia sẻ số liệu TNTT.

1. Có 2. Không

4.3.3. Hỗ trợ và hướng dẫn các tỉnh/thành phố phân tích số liệu giám sát TNTT sẵn có của địa phương để đánh giá hiệu quả của can thiệp.

1. Có 2. Không

**5. Mục tiêu 5: Nâng cao nhận thức của cộng đồng, sự ủng hộ của chính quyền các cấp và các bộ, ngành liên quan về tầm quan trọng, các biện pháp can thiệp hiệu quả trong phòng, chống tai nạn, thương tích.**

***5.1. Công tác thông tin - giáo dục - truyền thông về PCTNTT***

5.1.1. Xây dựng các loại tài liệu truyền thông về PCTNTT:

1. Có 2. Không

Nếu có, đề nghị ghi rõ *loại hình truyền thông* và đánh dấu (X) vào cột tương ứng theo bảng dưới:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình truyền thông** | **2021** | **2022** | **2023** | **2024** | **2025** |
| 1. | Sách hướng dẫn |  |  |  |  |  |
| 2. | Tranh lật |  |  |  |  |  |
| 3. | Tờ rơi |  |  |  |  |  |
| 4. | Pano |  |  |  |  |  |
| 5. | Áp phích |  |  |  |  |  |
| 6. | Biển cảnh báo |  |  |  |  |  |
| 7. | Phóng sự |  |  |  |  |  |
| 8. | Khác *(ghi rõ)*… |  |  |  |  |  |

- Nêu tóm tắt những khó khăn khi thực hiện, nguyên nhân chủ quan, khách quan:

……………………………………….…………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

5.1.2. Tổ chức các hoạt động truyền thông về PCTNTT:

1. Có 2. Không

- Nếu có, đề nghị ghi rõ hình thức truyền thông và đánh dấu (X) vào cột tương ứng, không cần ghi số lượng:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức truyền thông** | **2021** | **2022** | **2023** | **2024** | **2025** |
| ***I.*** | ***Truyền thông gián tiếp*** |  |  |  |  |  |
| 1. | Phát thanh |  |  |  |  |  |
| 2. | Truyền hình |  |  |  |  |  |
| 3. | In ấn tờ rơi |  |  |  |  |  |
| 4. | In ấn áp phích |  |  |  |  |  |
| 5. | Pano |  |  |  |  |  |
| 6. | Khác (ghi rõ) |  |  |  |  |  |
| ***II.*** | ***Truyền thông trực tiếp*** |  |  |  |  |  |
| 1. | Hội thảo |  |  |  |  |  |
| 2. | Họp dân |  |  |  |  |  |
| 3. | Thăm hộ gia đình |  |  |  |  |  |
| 4. | Nói chuyện chuyên đề |  |  |  |  |  |
| 5. | Khác (ghi rõ) |  |  |  |  |  |

***5.2. Nâng cao năng lực truyền thông về PCTNTT tại các cơ sở y tế và gia đình*.**

5.2.1. Xây dựng sách mỏng, bộ câu hỏi về xử trí tai nạn, thương tích thường gặp tại gia đình cho bà mẹ mang thai và cho con bú, người chăm sóc trẻ tại trường học cho giáo viên; tại các doanh nghiệp.

1. Có 2. Không

5.2.2. Tập huấn và tập huấn lại về kỹ năng truyền thông PCTNTT cho cán bộ y tế cơ sở, y tế trường học, y tế cơ quan/Doanh nghiệp.

1. Có 2. Không

5.2.3. Nêu tóm tắt những khó khăn khi thực hiện, nguyên nhân chủ quan, khách quan

……………………………………….………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….……………..

…………………………………………………………………………………….…………….

…………………………………………………………………………………….……………

**II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN:**

1. Trong công tác chỉ đạo, điều hành: 1. Có 2. Không

*Nếu có, đề nghị ghi rõ*:……………………………………………………………………

2. Nhân lực thực hiện: 1. Có 2. Không

*Nếu có, đề nghị ghi rõ*:……………………………………………………………………

3. Trong công tác truyền thông: 1. Có 2. Không

*Nếu có, đề nghị ghi rõ*:…………………………………………………………………..

4. Trong công tác giám sát TNTT: 1. Có 2. Không

*Nếu có, đề nghị ghi rõ*:……………………………………………………………………

5. Trong công tác nâng cao năng lực phòng chống TNTT:

1. Có 2. Không

*Nếu có, đề nghị ghi rõ*:…………………………………………………………………

6. Trong công tác xây dựng các mô hình an toàn phòng chống TNTT:

1. Có 2. Không

*Nếu có, đề nghị ghi rõ*:……………………………………………………………………

7. Trong công tác sơ cấp cứu TNTT: 1. Có 2. Không

*Nếu có, đề nghị ghi rõ*:……………………………………………………………………

8. Khác (ghi rõ):…………………………………………………………………………..

**III. ĐỀ XUẤT CÁC NỘI DUNG ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH PCTNTT TẠI CỘNG ĐỒNG CỦA NGÀNH Y TẾ GIAI ĐOẠN 2026-2030.**

| **TT** | **Nội dung** | **Giữ nguyên**  **như 2021-2025** | **Bổ sung/**  **thay đổi** | **Ghi rõ thay đổi thế nào** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Mục tiêu tổng quát |  |  |  |
|  | 05 mục tiêu cụ thể đến 2030 |  |  |  |
|  | Các chỉ số của mục tiêu 1 |  |  |  |
| Các nội dung |  |  |  |
|  | Các chỉ số của mục tiêu 2 |  |  |  |
| Các nội dung |  |  |  |
|  | Các chỉ số của mục tiêu 3 |  |  |  |
| Các nội dung |  |  |  |
|  | Các chỉ số của mục tiêu 4 |  |  |  |
| Các nội dung |  |  |  |
|  | Các chỉ số của mục tiêu 5 |  |  |  |
| Các nội dung |  |  |  |
|  | Các giải pháp thực hiện |  |  |  |

*Xin trân trọng cảm ơn!*

*Ngày tháng năm 2025*

**Xác nhận đơn vị**

*(Ký tên, đóng dấu)*